

Số: 02/2026/QĐST - HNGĐ

Phú Thọ, ngày 22 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - PHÚ THỌ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ tham gia phiên họp: Bà Trịnh Hoàng Miên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 104/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026 về việc: “Yêu cầu xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 35/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Trần Tiến Đ, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ, “có mặt”.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Bàn Thị B, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn N, xã H, tỉnh Tuyên Quang, “có mặt”.

- Anh Bàn Văn T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn N, xã H, tỉnh Tuyên Quang, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Người yêu cầu anh Trần Tiến Đ trình bày: Chị Bàn Thị B và anh Bàn Văn T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn với nhau ngày 07/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã H, tỉnh Tuyên Quang). Tuy nhiên quá trình chung sống chị B, anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đến ngày 18/9/2025 Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang đã giải quyết, xét xử cho chị B và anh T ly hôn theo Bản án số 116/2025/HNGĐ-ST ngày 18/9/2025.

Năm 2025 anh và chị B có quen biết và nảy sinh tình cảm với nhau. Ngày 26/02/2026, chị B đã sinh cháu Trần Bảo N (tên dự kiến) theo giấy chứng sinh mã số GCS: 00631.GCS.26001.26 của Bệnh viện Đ1. Anh xác định cháu Trần Bảo N, sinh ngày 26/02/2026 (tên dự kiến) là con chung của anh và chị B. Để

đảm bảo quyền lợi của cháu Trần Bảo N (tên dự kiến), sinh ngày 26/02/2026, anh đề nghị Tòa án giải quyết xác định anh là cha đẻ của cháu Trần Bảo N (tên dự kiến), sinh ngày 26/02/2026 theo giấy chứng sinh mã số GCS: 00631.GCS.26001.26 của Bệnh viện Đ1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bàn Thị B trình bày: Chị và anh Bàn Văn T kết hôn năm 2014. Quá trình chung sống, chị và anh T có nhiều mâu thuẫn nên đã ly hôn theo Bản án số 116/2025/HNGĐ-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang. Từ năm 2023 chị và anh T đã sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ. Năm 2025, chị và anh Trần Tiến Đ có quen biết và nảy sinh tình cảm với nhau. Ngày 26/02/2026, chị sinh cháu Trần Bảo N (tên dự kiến) theo giấy chứng sinh mã số GCS: 00631.GCS.26001.26 của Bệnh viện Đ1. Chị xác định đây là con chung của chị và anh Đ. Nay anh Đ có đơn yêu cầu xác định cháu Trần Bảo N (tên dự kiến), sinh ngày 26/02/2026 là con đẻ của anh Đ, chị đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Đ để cháu Trần Bảo N được làm giấy khai sinh và đảm bảo quyền lợi cho cháu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bàn Văn T vắng mặt tại phiên họp nhưng có bản tự khai trình bày như sau: Anh và chị Bàn Thị B kết hôn năm 2014. Quá trình chung sống, chị và anh T có nhiều mâu thuẫn nên đã ly hôn theo Bản án số 116/2025/HNGĐ-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang. Từ năm 2023, anh và chị B đã sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ. Trong thời gian sống ly thân, anh được biết chị B có quan hệ với anh Trần Tiến Đ và đến đầu năm 2026 chị Bình S 01 người con chung với anh Đ. Anh xác định đó không phải là con của anh và chị B, lý do: Anh và chị B đã sống ly thân từ năm 2023. Nay anh Đ có đơn yêu cầu xác định cha cho con, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ phát biểu quan điểm: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý việc dân sự, xác định đúng thẩm quyền, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần những người tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ căn cứ khoản 10 Điều 29, Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 367, Điều 370, 371 và Điều 372 Bộ luật tố Tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xác định anh Trần Tiến Đ là cha đẻ của cháu Trần Bảo N (tên dự kiến), sinh ngày 26/02/2026 theo giấy chứng sinh mã số GCS: 00631.GCS.26001.26 của Bệnh viện Đ1.

Về lệ phí: Anh Đ phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Trần Tiến Đ có đơn yêu cầu xác định anh là cha đẻ của cháu Trần Bảo N (tên dự kiến), sinh ngày 26/02/2026 theo giấy chứng sinh mã số GCS: 00631.GCS.26001.26 của Bệnh viện Đ1. Anh Đ cư trú tại thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ và có đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ xác định cha cho con. Vì vậy, đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ theo quy định tại khoản 10 Điều 29, Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bàn Văn T có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt anh T.

[3] Xét yêu cầu của người yêu cầu, thấy rằng:

Anh Trần Tiến Đ, chị Bàn Thị B xác định trong thời gian chị B ly thân và chờ giải quyết ly hôn với anh Bàn Văn T thì anh Đ và chị B có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2025. Thời gian chị B mang thai là trong thời gian chị B vẫn đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh T. Đến ngày 26/02/2026 chị Bình sinh cháu Trần Bảo N (tên dự kiến) là sau thời gian chị B và anh T đã ly hôn. Tuy nhiên, chị B và anh T đều thừa nhận thực tế anh chị đã ly thân và cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ năm 2023, do đó anh T, chị B đều xác định cháu Trần Bảo N (tên dự kiến) không phải là con chung của chị B và anh T.

Đồng thời anh Đ và chị B đều xác định anh chị có con chung là cháu Trần Bảo N (tên dự kiến), sinh ngày 26/02/2026 theo giấy chứng sinh mã số GCS: 00631.GCS.26001.26 của Bệnh viện Đ1. Theo kết quả xét nghiệm ADN của Viện Công nghệ A và phân tích di truyền Genlab kết luận: Anh Trần Tiến Đ và cháu Trần Bảo N có quan hệ huyết thống cha - con, độ tin cậy > 99,9999%. Do vậy, việc anh Đ yêu cầu xác định anh là cha đẻ của cháu Trần Bảo N là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Anh Đ phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 10 Điều 29, Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 367, Điều 370, 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Tiến Đ. Xác định anh Trần Tiến Đ là cha đẻ của cháu Trần Bảo N (tên dự kiến), sinh ngày 26/02/2026 theo giấy chứng sinh mã số GCS: 00631.GCS.26001.26 của Bệnh viện Đ1.

2. Anh Trần Tiến Đ là cha đẻ của cháu Trần Bảo N có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để đăng ký khai sinh (hoặc ghi chú) theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

3. Về lệ phí: Anh Trần Tiến Đ phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002439 ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11;
- Cơ quan THADS tỉnh Phú Thọ;
- Đương sự;
- UBND xã Thái Hòa;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thu Trang